

Thang đo sức mạnh thị trường



28 Tháng Tư 2021

# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,229.55	0.80	5.79	60.26
HNX	282.07	0.54	4.10	165.46
UPCOM	80.12	0.89	0.33	53.74
MSCI EM	1,361.96	0.10	4.17	50.88
NIKKEI	29,053.97	0.21	-0.42	46.95
HANG SENG	29,030.97	0.31	2.45	18.13
KOSPI	3,181.47	-1.06	4.62	64.49
FTSE	6,967.34	0.32	3.36	16.93
S&P 500	4,186.72	-0.02	5.34	46.22
NASDAQ	14,090.22	-0.34	7.24	63.69

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	18.04	2.53	14.21
SET INDEX	39.41	1.72	4.34
JCI INDEX	25.18	1.52	4.69
PCOMP INDEX	28.52	1.59	5.76

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-100
5 năm	1.20	1	9	-109
10 năm	2.37	0	-2	-66

### Tỷ giá ngoại hối

	Thị	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,047	0.00	0.13	1.14
US\$/KRW	1,113	-0.22	1.68	10.08
US\$/JPY	109	-0.23	0.79	-1.91
US\$/EUR	0.83	0.16	-2.55	-10.36
US\$/GBP	0.72	0.28	-0.77	-10.42
US\$/SGD	1.33	-0.05	1.58	6.81

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	560	706	379
HNX	73	124	50
UPCOM	23	45	24

### Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



### Nhận định thị trường

#### Lực cầu mạnh ở cuối phiên giao dịch

VN-Index trải qua phiên giao dịch với thanh khoản duy trì thấp khi cung cầu vẫn khá dè dặt tham gia thị trường khi kỳ nghỉ lễ dài đang ở phía trước.

Tổng kết, VN-Index tăng 0,8%, chốt phiên gần 1.230 điểm. Động lực thúc đẩy VN-Index trong ngày đến từ nhóm ngân hàng và bất động sản với các đại diện tăng mạnh như NVL, STB, VPB, MBB, VRE, ...

STB là tâm điểm khi ghi nhận mức tăng mạnh hơn 4%, đóng cửa tại 24.200 đ/cp. Đây là mức đóng cửa cao nhất tính từ năm 2008 đến nay. Khối lượng giao dịch hôm nay của STB lên đến hơn 72 triệu cổ phiếu, cao thứ 2 trong lịch sử.

Khối ngoại có phiên mua ròng thứ 4 liên tiếp với giá trị hôm nay gần 400 tỷ đồng, tập trung ở những mã VHM (186 tỷ), STB (140 tỷ), MSN (102 tỷ), NVL (63 tỷ) và HDB (34 tỷ).

Mặc dù có 2 phiên tăng điểm liên tiếp, nhưng thanh khoản cho thấy sự thận trọng trong ngắn hạn. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn của VN-Index tiếp tục duy trì ở mức -6 điểm, tương ứng mức đánh giá TIÊU CỰC.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeeasset.com.vn)

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-4	TIÊU CỰC
VN30F1M	-4	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-2	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	-4	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	0	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin thị trường

# Phân tích kỹ thuật

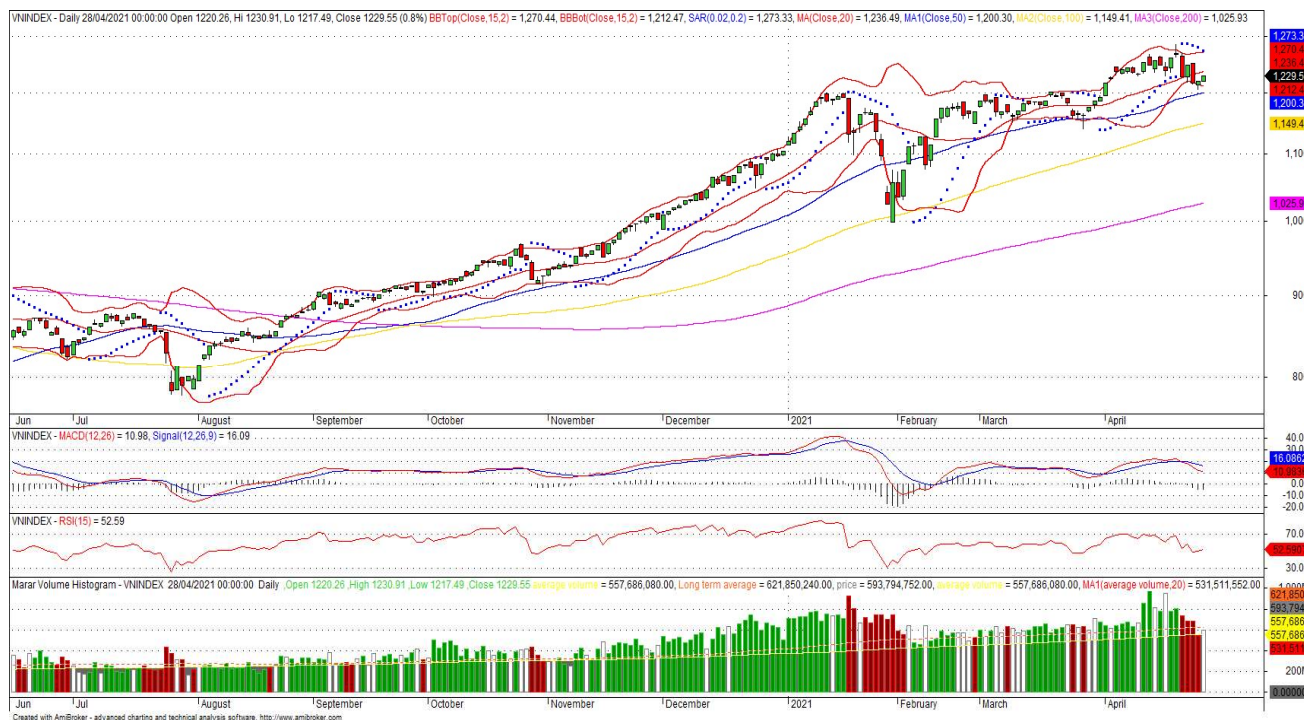
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN DIAMOND	-2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	-4	<b>TIÊU CỰC</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (28/04/2021)	Kháng cự 1	<b>1.300</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.400</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.200</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.100</b>

VN-Index phục hồi tăng mạnh vào cuối phiên, đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

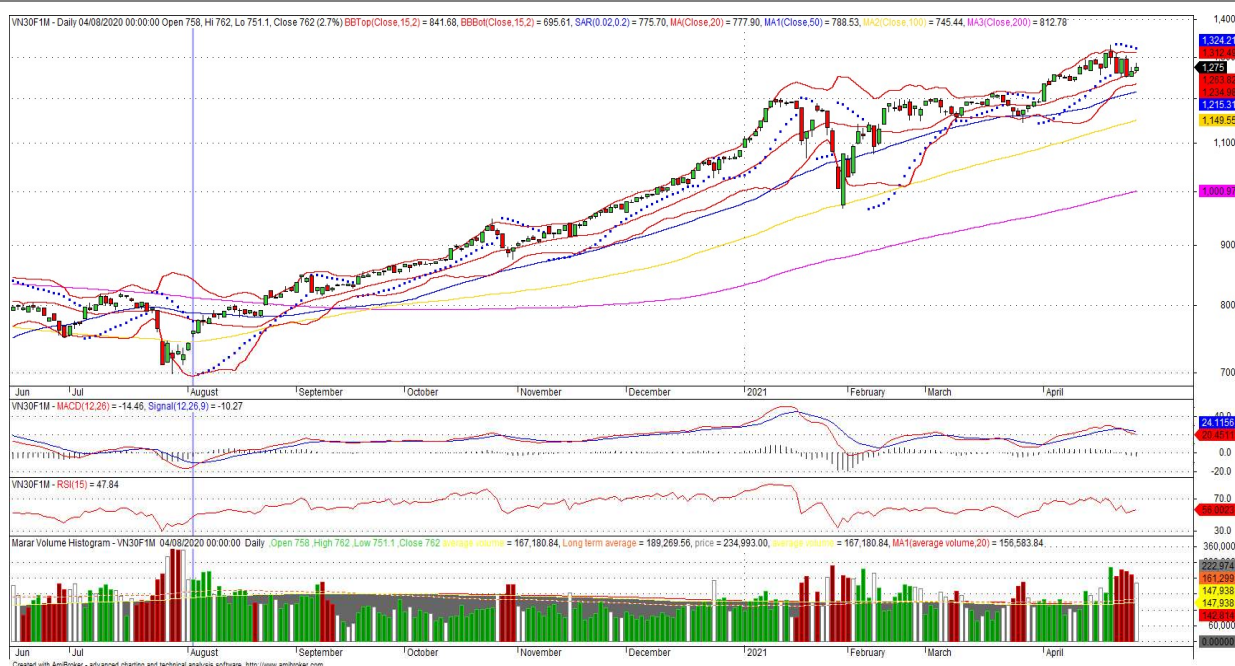
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (28/04/2021)	1.275	Kháng cự 1	<b>1.300</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TIÊU CỰC</b>	Kháng cự 2	<b>1.400</b>
VN30 - đóng cửa	1.294	Hỗ trợ 1	<b>1.200</b>
Chênh lệch VN30F1M & VN30	<b>-19.06</b>	Hỗ trợ 2	<b>1.100</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	1	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart ngày)	-4	<b>TIÊU CỰC</b>

VN30F1M biến động mạnh trong phiên giao dịch ghi nhận độ lệch với VN30 hơn 19 điểm.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	16.7	4,898,350	-2	TRUNG TÍNH	3,703	12.0	1.0
ACB	33.8	7,524,190	-2	TRUNG TÍNH	73,061	8.5	1.9
AMD	7.24	11,682,070	-2	TRUNG TÍNH	1,184	46.6	0.6
ART	8.4	8,720,475	-6	TIÊU CỰC	814	31.1	0.7
ASM	14.55	2,525,120	-4	TIÊU CỰC	3,767	7.8	0.8
BID	40.6	3,607,100	-6	TIÊU CỰC	163,294	23.3	2.1
BSR	14.3	13,890,855	-6	TIÊU CỰC	44,337	#N/A N/A	1.4
BVH	57.4	1,062,610	-6	TIÊU CỰC	42,609	27.5	2.1
CEO	9.8	6,515,710	-4	TIÊU CỰC	2,522	#N/A N/A	0.9
CII	20.6	2,622,650	-4	TIÊU CỰC	4,920	20.0	1.0
CTD	63.5	633,705	-4	TIÊU CỰC	4,717	15.3	0.6
CTG	39.75	15,216,875	-6	TIÊU CỰC	148,005	10.8	1.7
CTR	84.4	473,645	-4	TIÊU CỰC	6,058	21.7	5.7
DBC	53.7	1,828,000	-6	TIÊU CỰC	5,626	3.9	1.2
DCM	16.15	3,173,870	-4	TIÊU CỰC	8,550	15.9	1.4
DGC	70	577,945	2	TRUNG TÍNH	10,414	11.1	2.5
DIG	26.45	3,630,530	-6	TIÊU CỰC	9,173	12.7	2.0
DLG	3.19	15,194,570	-6	TIÊU CỰC	955	#N/A N/A	0.4
DPM	19	1,680,585	-2	TRUNG TÍNH	7,435	9.9	0.9
DRC	26.45	1,320,505	-6	TIÊU CỰC	3,142	11.1	1.8
DXG	23.2	7,646,860	-4	TIÊU CỰC	12,024	#N/A N/A	1.8
EIB	27.5	1,538,025	1	TRUNG TÍNH	33,809	31.6	2.0
FIT	10.3	4,550,440	-4	TIÊU CỰC	2,624	46.5	0.9
FLC	11.05	36,209,328	-6	TIÊU CỰC	7,845	49.0	0.8
FPT	80.8	2,227,480	0	TRUNG TÍNH	63,760	17.1	3.8
FRT	27.25	1,639,515	-6	TIÊU CỰC	2,152	87.1	1.8
GAS	81.9	919,245	-6	TIÊU CỰC	156,753	20.0	3.2
GEX	26.45	7,115,280	-6	TIÊU CỰC	12,914	15.6	1.9
GMD	33.7	2,478,000	-2	TRUNG TÍNH	10,156	29.3	1.7
GVR	25	3,007,775	0	TRUNG TÍNH	100,000	26.5	2.1
HAG	5.4	12,349,990	-4	TIÊU CỰC	5,008	#N/A N/A	1.0
HAI	5.23	8,386,750	-4	TIÊU CỰC	955	117.8	0.5
HBC	15.85	5,901,500	-6	TIÊU CỰC	3,659	42.4	1.0
HCM	30.4	4,167,065	-6	TIÊU CỰC	9,273	12.3	1.9
HDB	26.85	4,606,715	-4	TIÊU CỰC	42,793	8.7	1.7
HDG	39	983,930	0	TRUNG TÍNH	6,017	6.3	2.0
HHS	6.8	6,377,950	-6	TIÊU CỰC	1,868	6.4	0.5
HNG	11.5	14,419,590	-2	TRUNG TÍNH	12,748	590.4	1.5
HPG	56	23,578,970	-2	TRUNG TÍNH	185,544	10.2	2.8
HPX	33.55	1,021,290	-2	TRUNG TÍNH	8,874	103.3	2.8
HQC	3.89	25,818,716	-4	TIÊU CỰC	1,854	193.2	0.4
HSG	31.3	9,797,180	0	TRUNG TÍNH	13,917	6.0	1.7
HUT	6.3	7,198,465	-4	TIÊU CỰC	1,692	#N/A N/A	0.6
HVN	28.8	1,109,885	-4	TIÊU CỰC	40,847	#N/A N/A	6.5
IDC	34.1	3,486,125	-2	TRUNG TÍNH	10,230	33.6	2.8
IJC	26.3	3,050,885	0	TRUNG TÍNH	5,710	8.6	1.7
ITA	7.35	21,237,716	-6	TIÊU CỰC	6,897	39.1	0.6
KBC	36.7	4,861,530	-4	TIÊU CỰC	17,240	76.8	1.8
KDC	51	1,073,995	-7	TIÊU CỰC	11,666	38.0	2.0
KDH	34.85	3,386,530	4	KHẢ QUAN	19,474	17.1	2.4
KLF	5.7	14,732,900	-4	TIÊU CỰC	943	#N/A N/A	0.5
KSB	28.2	1,438,665	-2	TRUNG TÍNH	1,879	6.6	1.2

LCG	13.25	2,898,595	-2	TRUNG TÍNH	1,527	4.9	0.9
LDG	7.61	10,419,195	-6	TIÊU CỰC	1,822	165.4	0.6
LPB	20.45	13,845,445	2	TRUNG TÍNH	21,976	11.8	1.5
MBB	30.25	17,984,390	-6	TIÊU CỰC	84,662	8.4	1.6
MBS	23	2,040,470	-6	TIÊU CỰC	3,779	11.0	1.7
MSN	99	3,107,815	-4	TIÊU CỰC	116,294	93.9	7.3
MWG	140	1,022,345	2	TRUNG TÍNH	66,560	16.2	4.1
NKG	25.5	4,578,115	-4	TIÊU CỰC	4,386	7.7	1.3
NLG	35.3	1,441,470	2	TRUNG TÍNH	10,070	8.8	1.5
NVB	16.9	5,962,610	-7	TIÊU CỰC	6,875	5,672.5	1.6
NVL	128	2,918,040	7	KHẢ QUAN	137,563	32.2	4.9
PDR	71.5	3,734,010	2	TRUNG TÍNH	34,804	26.5	6.5
PET	20	1,916,475	-6	TIÊU CỰC	1,671	10.9	1.1
PHR	51.9	591,150	-4	TIÊU CỰC	7,032	7.3	2.2
PLX	50	1,334,585	-2	TRUNG TÍNH	62,191	69.2	2.9
PNJ	95.7	659,750	0	TRUNG TÍNH	21,759	19.2	3.8
POW	12.2	15,696,360	-6	TIÊU CỰC	28,571	12.1	1.0
PVD	19.15	5,951,385	-6	TIÊU CỰC	8,065	47.0	0.6
PVS	19.9	9,841,440	-4	TIÊU CỰC	9,512	15.2	0.8
PVT	16.15	3,168,060	-6	TIÊU CỰC	5,227	7.1	1.0
ROS	6.47	43,439,708	-4	TIÊU CỰC	3,672	6,142.5	0.6
S99	24.8	1,776,350	2	TRUNG TÍNH	1,300	7.2	1.6
SBT	20.45	2,936,275	-4	TIÊU CỰC	12,621	21.6	1.6
SCR	8.35	6,642,760	-6	TIÊU CỰC	3,059	16.2	0.7
SHB	27.4	24,570,200	-2	TRUNG TÍNH	47,964	17.4	2.0
SHS	27.3	10,297,015	-6	TIÊU CỰC	5,658	5.8	1.5
SSI	32.1	14,079,505	-6	TIÊU CỰC	20,732	15.3	2.0
STB	24.2	42,364,908	5	KHẢ QUAN	43,648	16.3	1.5
TCB	39.95	10,798,420	-6	TIÊU CỰC	140,021	9.8	1.8
TCH	22	8,641,575	-4	TIÊU CỰC	8,238	8.6	1.6
TIG	14	2,723,680	0	TRUNG TÍNH	1,273	17.5	1.2
TLH	15.1	2,708,640	-2	TRUNG TÍNH	1,520	20.0	1.0
TNG	21.3	2,229,995	-4	TIÊU CỰC	1,694	10.4	1.4
TPB	27.25	4,948,070	-6	TIÊU CỰC	28,113	7.2	1.6
TSC	10.15	3,006,205	5	KHẢ QUAN	1,499	89.0	0.9
TTF	7.53	7,611,880	-2	TRUNG TÍNH	2,343	66.5	#N/A N/A
VCB	99	2,255,200	-4	TIÊU CỰC	367,179	19.9	3.9
VCI	64	1,422,765	-2	TRUNG TÍNH	10,598	11.2	2.2
VHM	100.9	5,309,945	-4	TIÊU CỰC	331,912	12.8	3.6
VIB	54.8	915,920	3	TRUNG TÍNH	60,794	13.1	3.4
VIC	131.5	2,744,190	-4	TIÊU CỰC	444,790	77.9	5.4
VIX	33.95	7,504,455	4	KHẢ QUAN	4,336	6.5	2.1
VJC	126	538,575	-7	TIÊU CỰC	66,004	954.0	4.4
VND	35.7	7,135,495	-4	TIÊU CỰC	7,658	6.6	1.7
VNM	93.7	4,018,010	-7	TIÊU CỰC	195,829	19.6	6.3
VPB	55	9,040,055	7	KHẢ QUAN	135,011	11.9	2.4
VPI	36.4	1,079,165	0	TRUNG TÍNH	7,280	24.3	2.6
VRE	31.5	7,181,490	-4	TIÊU CỰC	71,578	30.1	2.4

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Kinh tế Ấn Độ có thể tăng trưởng âm quý này

Hôm nay, Ấn Độ ghi nhận thêm hơn 323.000 ca nhiễm mới, nâng tổng số ca nhiễm tại nước này lên hơn 17,6 triệu người. Quốc gia này đã nhiều ngày liên tiếp lập kỷ lục về ghi nhận số ca nhiễm mới. Sonal Varma – kinh tế trưởng khu vực Ấn Độ tại Nomura cho biết nước này "rõ ràng sẽ chứng kiến cú sốc về tăng trưởng" trong quý II. Năm tài chính của Ấn Độ bắt đầu từ tháng 4 và kết thúc vào tháng 3 năm sau. Varma dự báo GDP Ấn Độ quý này giảm 1,5% so với quý trước đó. Dù các biện pháp phong tỏa mới được áp dụng tại nhiều bang, số ca nhiễm mới vẫn tăng. Ví thế, các chính sách hạn chế được dự báo còn nhiều lên. "Việc này chắc chắn có ảnh hưởng lên hoạt động trong tháng 4 và tháng 5", Varma cho biết trên CNBC. Dù vậy, so với cùng kỳ năm ngoái, GDP Ấn Độ vẫn có thể tăng hơn 25% quý này. Nguyên nhân là nền kinh tế này co lại tới gần 24% trong quý II/2020. Radhika Rao – nhà kinh tế tại DBS – cũng có dự báo tương tự. Bà cho rằng GDP Ấn Độ quý này sẽ giảm so với quý trước, nhưng tăng 20% - 23% so với cùng kỳ năm ngoái.

### Nhật Bản giữ nguyên chính sách lãi suất

Ngân hàng trung ương Nhật Bản hôm nay quyết định giữ nguyên lãi suất trong bối cảnh nhiều khu vực tại nước này như Tokyo, Osaka, gần đây phải tái triển khai tình trạng khẩn cấp để ngăn Covid-19 lây lan. Lạm phát lõi cho năm tài khóa 2021 được dự báo giảm còn 0,1% so với mức 0,5% đưa ra hồi tháng 1.

### ADB nâng dự báo tăng trưởng Việt Nam lên 6,7%, đồng thời cảnh báo nguy cơ bùng nổ 'bong bóng' tài sản.

Sáng ngày 28/4, Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã công bố dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm nay đạt 6,7%, cao hơn chỉ tiêu Quốc hội 0,7 điểm phần trăm và mục tiêu Chính phủ là 0,2 điểm phần trăm. Trước đó, hồi đầu năm, Giám đốc Quốc gia ADB tại Việt Nam Andrew Jeffries dự báo con số này ở mức 6,3%. Ngoài ra, theo báo cáo ADB, tăng trưởng Việt Nam sang năm 2022 sẽ đạt 7%. ADB nhận định, đầu tư gia tăng sẽ trở thành động lực quan trọng trong năm nay và năm sau. Đồng thời, thu hút đầu tư nước ngoài sẽ được thúc đẩy nhờ việc kiểm soát dịch bệnh, cũng như Luật đầu tư được ban hành đầu năm 2021. Chính phủ Việt Nam tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng lớn trong năm nay, cùng với việc lãi suất thấp kích thích các hoạt động trong bất động sản sẽ giúp lĩnh vực xây dựng tăng trưởng đáng kể. Việt Nam cũng sẽ được hỗ trợ bởi sự phục hồi của hai nền kinh tế lớn là Hoa Kỳ và Trung Quốc. Đây cũng là những đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Dự báo, xuất khẩu hàng hóa sẽ tăng 8% trong năm nay và năm sau. Quý 1/2021, lạm phát giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2016 nhờ chi phí vận tải giảm và nhu cầu yếu. Song, trong bối cảnh phục hồi toàn cầu và tiêu dùng nội địa tăng khiến giá dầu tăng sẽ dẫn đến lạm phát tăng lên 3,8% trong năm nay và 4% năm sau.

### VPB: cho vay 26% dư nợ liên quan bất động sản

Theo BCTC hợp nhất quý I, tổng tài sản đến cuối tháng 3 của VPBank ([HoSE: VPB](#)) ở mức 436.241 tỷ đồng, tăng 4% so với cuối năm trước. Cho vay khách hàng tăng 3,5% lên 301.172 tỷ đồng. Nợ xấu tăng 5% lên hơn 10.421 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ



xấu nâng từ 3,4% lên gần 3,5%. Riêng nợ nhóm 3 tăng 17% lên 7.062 tỷ đồng, nhưng nợ nhóm 5 giảm 17% còn 1.523 tỷ đồng. Xét tỷ trọng cho vay, dư nợ tập trung lớn nhất vào lĩnh vực làm thuê trong hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình chiếm 38% với 114.649 tỷ đồng. Cho vay cá nhân mua nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây nhà hơn 40.228 tỷ đồng chiếm gần 13,4% và kinh doanh bất động sản có tỷ trọng 12,33%, tương đương hơn 37.139 tỷ đồng. Tổng dư nợ cho vay liên quan đến bất động sản nhà ở chiếm gần 25,7%, tăng so với 25,2% cuối năm trước. Tiền gửi khách hàng giảm nhẹ xuống 232.426 tỷ đồng, trong khi tiền gửi và vay các tổ chức tài chính, tín dụng khác tăng 25% lên 70.921 tỷ đồng.

### **EVF: đặt mục tiêu lợi nhuận năm 2021 tăng 12%**

Năm 2020, EVNFinance đã nỗ lực vượt khó khăn từ dịch bệnh để đồng hành, chia sẻ cùng khách hàng cũng như hoàn thành mục tiêu kinh doanh với những kết quả đáng ghi nhận: lợi nhuận trước thuế đạt 285 tỷ đồng đạt 102% kế hoạch; tổng tài sản đạt 28.804,9 tỷ đồng, đạt 131% kế hoạch; tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,32%, tỷ lệ an toàn vốn ở mức 11,04% và các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn khác đều tuân thủ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tại Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty diễn ra ngày 27/4 vừa qua tại Hà Nội, Chủ tịch HĐQT EVNFinance – ông Hoàng Văn Ninh đã khẳng định: "Đây là kết quả kinh doanh khả quan, thể hiện được sự nỗ lực rất lớn của Ban Điều hành và tập thể CBNV toàn Công ty; HĐQT đánh giá năm 2020 là năm Công ty đã có bước chuyển mình mạnh mẽ, từ thay đổi về cấu trúc hệ thống, thay đổi về nhân sự cấp cao cũng như thay đổi trong cơ cấu tổ chức của Công ty. Bằng những sự thay đổi tích cực từ nội tại, EVNFinance đã nhận được sự tin nhiệm từ các tổ chức tài chính Quốc tế và thị trường tài chính".

### **VHM: lãi ròng quý 1 gần 5.400 tỷ đồng**

CTCP Vinhomes ([HoSE: VHM](#)) công bố báo cáo tài chính quý I với doanh thu thuần 12.986 tỷ đồng, tăng 99% cùng kỳ năm trước chủ yếu nhờ tăng trưởng doanh thu bán lẻ và bán lô lớn bất động sản. Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.085 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ đạt 5.396 tỷ đồng, giảm lần lượt 30% và 21% cùng kỳ. Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS) đạt 1.640 đồng. Tại ngày 31/3, tổng tài sản Vinhomes đạt 207.715 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu đạt 94.605 tỷ đồng, tăng 6% so với đầu năm. Trong tháng 1, Vinhomes công bố chính thức áp dụng mô hình kinh doanh O2O (Online to Offline), đồng thời thúc đẩy kênh kinh doanh bất động sản thứ cấp trên cùng một nền tảng. Theo đó, mô hình này sẽ tiên phong xây dựng thị trường bất động sản thứ cấp minh bạch khi công khai toàn bộ thông tin và giá bán trên trang thương mại điện tử Vinhomes Online (<https://online.vinhomes.vn>). Từ đó, gia tăng tính gắn kết giữa chủ đầu tư với chủ sở hữu các sản phẩm của Vinhomes, hướng tới mục tiêu gia tăng giá trị tài sản và đảm bảo tính thanh khoản tốt nhất cho người mua nhà.

### **HII: Kế hoạch doanh thu 4.000 tỷ đồng, thưởng cổ phiếu tỷ lệ 15%**

HII: Tại ĐHĐCĐ thường niên 2021, Hội đồng quản trị CTCP An Tiến Industries ([HoSE: HII](#)) đã đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh 2020, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương án thưởng 4,8 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Về hiệu quả hoạt động kinh doanh năm 2020, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu bị chững lại do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, giao thương

bị ngưng trệ, là một doanh nghiệp xuất khẩu, HII đã tiến hành đồng loạt nhiều biện pháp nhằm thích ứng với tình hình chung, tự mình vượt khó bằng cách tái cấu trúc doanh nghiệp, tìm kiếm thị trường mới, đẩy mạnh xuất khẩu. Kết quả, HII ghi nhận doanh thu đạt 4.083 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 53 tỷ đồng. Doanh nghiệp hoàn thành 124% doanh thu kế hoạch, 88% lợi nhuận kế hoạch năm 2020. Bất chấp ảnh hưởng đại dịch Covid-19, sản lượng sản xuất hai sản phẩm chính của doanh nghiệp là CaCO<sub>3</sub> và filler tiếp tục tăng 8% so với cùng kỳ, tương đương 103.000 tấn. Tuy nhiên, doanh thu năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm trước 12% do giá nguyên liệu nhựa thế giới giảm mạnh trong nửa đầu năm 2020.

#### **VGC: lãi sau thuế quý I tăng 65% so với cùng kỳ**

Theo BCTC quý I, Tổng công ty Viglacera ([HoSE: VGC](#)) đạt 2.358 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm nhẹ 0,6% so với cùng kỳ. Tuy nhiên giá vốn hàng bán lại giảm 8,6% nên lợi nhuận gộp đạt 677 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ. Phần tăng lỗ từ hoạt động tài chính được bù đắp bằng lợi nhuận tăng thêm từ liên doanh, liên kết. Chi phí bán hàng giảm 5,4% nhưng chi phí quản lý doanh nghiệp ở mức gần 151,5 tỷ đồng, tăng 28,4%. Kết quả Viglacera lãi 279,6 tỷ đồng ở quý I, tăng 65% so với cùng kỳ, trong đó phần lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ là hơn 277 tỷ đồng.

#### **VRE: lãi quý I tăng 59% so với cùng kỳ**

Ngày 27/4, Vincom Retail ([HoSE: VRE](#)) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý I theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS). Theo đà phục hồi chung của thị trường bất động sản bán lẻ, Vincom Retail tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng tích cực trong hoạt động kinh doanh. Cụ thể, tổng doanh thu thuần hợp nhất quý I đạt 2.226 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư vẫn tiếp tục tăng trưởng với doanh thu đạt 1.712 tỷ đồng, tăng 18,2% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu từ mảng chuyển nhượng bất động sản đạt 452 tỷ đồng, tăng 124,9% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu đến từ việc bàn giao 3 dự án nhà phố thương mại lớn là Mỹ Tho, Bạc Liêu và Uông Bí. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 781 tỷ đồng, tăng 58,7% so với cùng kỳ năm trước.

#### **DHA: chốt quyền chia cổ tức tiền mặt 30%**

Công ty Cổ phần Hóa An ([HoSE: DHA](#)) thông báo chốt danh sách cổ đông thanh toán cổ tức bằng tiền còn lại năm 2020 với tỷ lệ 30% (1 cổ phiếu được nhận 3.000 đồng). Với 14,7 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi trong đợt này là 44 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng 14/5 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 27/5. Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên giữa tháng 4, cổ đông Đá Hóa An đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 với tổng tỷ lệ 50% bằng tiền mặt, tương đương số tiền gần 74 tỷ đồng. Trong đó công ty đã tạm ứng 2 đợt với tỷ lệ 20%. Năm ngoái, công ty ghi nhận doanh thu tăng hơn 15% đạt 382 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế tăng 45% đạt mức kỷ lục 98 tỷ đồng và vượt 63% kế hoạch năm. Chỉ số EPS cả năm tăng tương ứng 45% lên 6.673 đồng.

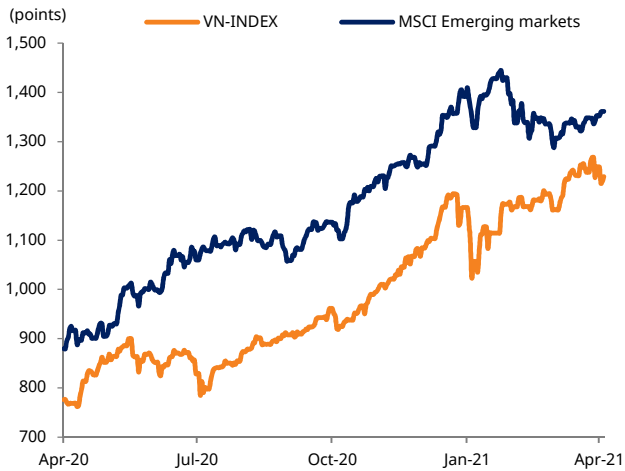
#### **CTR: lãi ròng gần 72 tỷ đồng trong quý I, tăng 41% so với cùng kỳ**

Tổng CTCP Công trình Viettel – Viettel Construction ([UPCoM: CTR](#)) công bố báo cáo tài chính quý I với doanh thu thuần 1.750 tỷ đồng, tăng 27% so với cùng kỳ



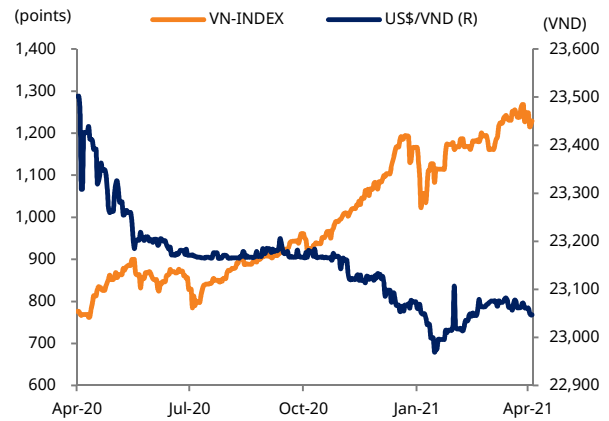
năm trước. Trong đó, các mảng kinh doanh của Viettel Construction đều có sự tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, mảng Vận hành khai thác nhà trạm vẫn chiếm doanh thu lớn nhất với 900 tỷ đồng, tăng 13%; Mảng xây lắp đạt doanh thu 439,3 tỷ đồng, tăng 24%; Giải pháp tích hợp và thương mại đạt doanh thu 371,2 tỷ đồng, tăng 65%; Mảng bất động sản đầu tư (Towerco) có sự bứt phá mạnh nhất khi mang về doanh thu gần 40 tỷ đồng, gấp 11,5 lần cùng kỳ. Lãi gộp trong kỳ của Viettel Construction đạt 124,1 tỷ đồng, tương ứng biên lãi gộp 7,09%, cải thiện so với biên lãi gộp 6,33% cùng kỳ năm trước. Trong kỳ, doanh thu tài chính (lãi tiền gửi) Viettel Construction đạt 2,08 tỷ đồng, giảm 65% so với cùng kỳ năm trước; Chi phí quản lý tăng 25% lên 35,65 tỷ đồng. Sau khi trừ đi các chi phí phát sinh trong kỳ, Viettel Construction ghi nhận 71,6 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế trong quý I/2021, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là quý có lợi nhuận cao thứ 2 của Viettel Construction, chỉ sau quý IV/2020 với 105,5 tỷ đồng.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



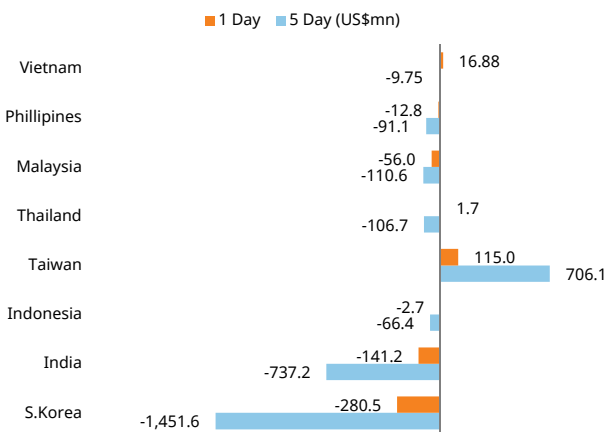
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



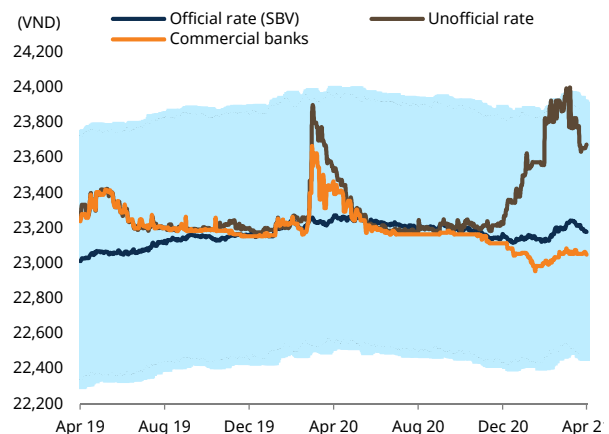
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



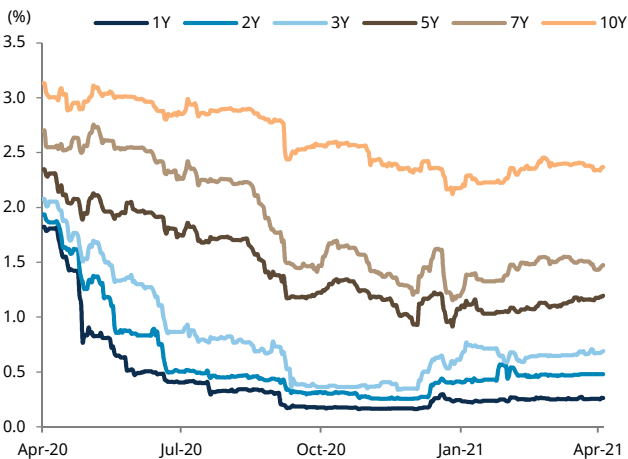
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



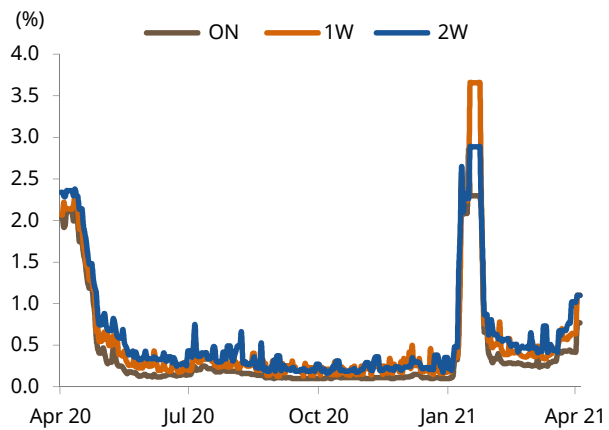
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,294.06</b>	<b>3,236,871</b>		<b>0.8</b>	<b>-1.4</b>	<b>10.9</b>	<b>80.8</b>	<b>13.7</b>	<b>11.4</b>	<b>2.4</b>	<b>2.1</b>	<b>12.1</b>	<b>20.0</b>	<b>19.8</b>	<b>19.5</b>
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,600	163,294	16.8	0.6	-6.0	-3.6	15.5	16.5	11.6	1.8	1.5	70.1	41.8	11.9	15.4
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	57,400	42,609	27.3	0.9	-4.3	-1.7	24.5	24.8	21.0	2.0	1.9	11.5	18.2	8.2	9.5
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	39,750	148,005	26.1	0.3	-5.4	1.8	108.7	8.4	7.7	1.5	1.3	28.4	10.0	19.5	19.0
CTCP FPT	FPT VN	80,800	63,760	49.0	0.1	-2.5	6.2	83.3	16.1	13.5	3.5	3.0	22.0	18.8	24.4	25.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	81,900	156,753	2.6	0.5	-6.9	-8.2	30.4	15.4	14.8	3.0	2.8	32.1	4.3	19.5	19.7
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	26,850	42,793	17.1	0.2	-1.3	4.3	115.6	7.9	6.6	1.6	1.4	28.2	19.0	20.4	20.5
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	56,000	185,544	30.1	-0.5	-2.1	21.2	214.0	9.4	8.6	2.4	2.1	55.5	8.8	28.0	24.4
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	34,850	19,474	32.2	0.9	2.0	16.2	78.1	15.9	12.1	2.2	1.9	6.2	31.8	15.2	17.6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	30,250	84,662	22.9	2.2	-0.8	10.0	122.2	8.2	6.9	1.5	1.2	24.1	19.7	19.8	20.1
Tập đoàn Masan	MSN VN	99,000	116,294	32.7	1.0	-6.2	15.3	65.8	42.3	25.7	6.1	4.9	122.1	64.8	13.8	20.5
CTCP Thế giới di động	MWG VN	140,000	66,560	50.0	-1.3	-1.8	7.7	73.1	13.3	10.6	3.3	2.8	21.3	25.2	27.6	27.8
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	128,000	137,563	7.6	5.3	18.0	61.0	143.8	32.0	24.8	4.1	3.5	0.5	29.2	13.5	15.4
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	71,500	34,804	3.0	-1.0	0.6	29.9	324.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	50,000	62,191	16.2	2.9	-5.5	-10.6	25.9	17.2	15.3	2.7	2.6	323.9	12.6	16.5	17.2
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	95,700	21,759	49.0	-0.3	1.4	12.7	67.3	17.5	13.7	3.7	3.1	26.9	27.3	22.6	23.8
TCT Điện Lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	12,200	28,571	3.6	0.8	-6.2	-3.9	18.4	13.4	11.3	0.9	0.9	-9.2	19.1	7.4	8.1
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,000	15,762	49.0	0.0	-1.9	-5.6	68.0	8.8	7.5	1.2	1.4	9.8	17.8	14.6	13.0
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	20,450	12,621	8.2	1.0	-3.3	-7.0	49.8	17.6	NA	1.5	NA	95.8	NA	8.0	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	32,100	20,732	46.0	0.9	-5.9	3.9	147.9	14.3	13.4	NA	NA	14.3	7.1	12.7	12.8
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	24,200	43,648	10.6	4.8	7.6	27.7	169.5	16.7	10.0	1.5	1.3	16.3	66.0	9.7	13.5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	39,950	140,021	22.5	1.1	-2.9	1.4	133.6	9.5	8.2	1.6	1.3	20.1	15.1	18.2	17.6
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	22,000	8,238	11.0	1.1	-3.3	1.9	6.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	27,250	28,113	30.0	0.6	-2.0	2.1	90.3	6.9	5.3	1.3	1.1	16.8	30.4	23.3	23.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,000	367,179	23.4	0.0	-3.9	4.3	47.8	17.2	13.9	3.1	2.6	29.1	23.3	20.6	21.6
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	100,900	331,912	22.5	0.9	-7.1	5.4	56.2	10.8	9.0	2.9	2.2	11.9	20.7	31.0	28.2
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	131,500	444,790	14.6	-0.5	-8.1	17.0	42.9	61.0	52.2	4.8	4.3	27.6	16.7	8.1	10.4
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	126,000	66,004	19.2	-0.9	-3.8	-3.4	11.6	61.0	21.6	4.0	3.2	1,441.4	182.7	5.2	18.8
CTCP Sửa Việt Nam	VNM VN	93,700	195,829	55.5	-2.1	-5.6	-3.8	11.9	18.1	16.6	5.7	5.2	8.3	9.4	34.7	35.1
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	55,000	135,011	23.2	3.4	11.1	26.7	161.9	11.1	9.3	2.1	1.7	16.4	18.5	20.6	19.9
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31,500	71,578	30.5	2.9	-9.0	-2.2	38.5	25.4	19.9	2.3	2.1	18.5	27.5	9.3	10.8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>9.80</b>	<b>4,574,612</b>	<b>0.8</b>	<b>-3.1</b>	<b>5.8</b>	<b>60.3</b>	<b>15.1</b>	<b>12.4</b>	<b>2.4</b>	<b>2.1</b>	<b>19.5</b>	<b>22.0</b>	<b>18.0</b>	<b>18.4</b>
Ô tô và phụ tùng	0.06	8,258	3.1	1.1	1.2	45.2	5.7	5.4	1.1	1.0	33.4	6.3	11.3	11.0
Ngân hàng	4.04	1,425,342	1.1	-0.9	8.4	73.6	11.8	9.5	2.0	1.7	29.5	22.8	18.2	18.7
Xây dựng cơ bản	0.70	175,042	1.6	-0.8	4.9	80.1	5.6	4.0	0.4	0.4	6.1	35.0	5.3	5.5
Dịch vụ thương mại	0.04	4,447	3.2	-0.4	-3.7	26.9	6.4	5.0	NA	NA	31.9	26.2	11.2	13.1
May mặc và trang sức	0.08	43,308	0.8	1.1	10.5	200.7	14.4	11.9	2.9	2.4	31.8	22.9	19.3	18.8
Dịch vụ tiêu dùng	0.02	8,685	0.3	-2.5	-2.6	30.3	11.5	4.0	NA	NA	NA	NA	3.5	9.2
Dịch vụ tài chính	0.15	60,952	1.0	-1.9	1.4	139.4	9.7	4.6	0.3	NA	9.6	7.1	9.3	4.4
Năng lượng	0.52	78,478	2.6	-2.5	-9.9	39.9	17.0	14.4	2.3	2.2	NA	17.9	14.2	15.0
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.62	517,618	-0.4	-2.6	1.1	30.6	22.3	16.5	4.6	4.0	44.8	25.7	22.5	23.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	903	0.1	-0.4	0.5	51.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.05	12,270	1.6	1.0	3.3	0.4	7.4	6.4	1.8	NA	40.5	14.7	24.4	24.4
Bảo hiểm	0.10	49,301	0.8	-2.7	-1.3	22.8	22.1	18.7	1.8	1.7	11.5	18.0	7.6	8.7
Nguyên vật liệu	1.65	397,286	1.7	0.5	8.9	167.2	12.0	11.8	1.8	1.2	40.8	4.1	18.3	16.2
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,831	-2.8	-3.4	-13.2	-23.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.03	34,877	-1.0	0.3	22.8	142.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	2.85	1,217,608	0.3	0.3	-0.5	19.8	9.3	8.2	1.7	1.6	14.5	11.1	9.8	9.9
Bán lẻ	-0.16	75,234	0.9	-1.2	15.1	70.3	31.0	25.9	3.2	2.8	26.0	34.8	14.3	14.9
Phần mềm và dịch vụ	0.03	67,798	-0.7	-4.1	7.5	71.6	12.3	9.9	2.9	2.5	34.7	25.2	25.0	25.2
Thiết bị và phần cứng	0.03	4,661	0.2	-2.6	5.5	80.5	15.1	12.7	3.3	2.9	26.1	18.7	23.0	24.2
Dịch vụ viễn thông	0.00	1,151	2.1	-4.9	-5.7	367.2	11.9	9.9	3.2	2.5	46.8	20.0	27.0	27.7
Vận tải	-0.01	166,923	-1.0	-5.5	-5.8	261.6	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	0.32	241,787	0.0	-2.1	-4.7	26.9	26.7	10.4	4.5	3.7	NA	68.1	-18.4	10.6

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
NVL VN	128,000	5.3	2,231,400	1.9
GVR VN	25,000	6.8	3,108,300	1.7
VPB VN	55,000	3.4	17,660,900	1.2
VHM VN	100,900	0.9	5,756,900	0.8
VRE VN	31,500	2.9	7,556,200	0.5
STB VN	24,200	4.8	71,125,700	0.5
MBB VN	30,250	2.2	17,389,600	0.5
PLX VN	50,000	2.9	1,396,000	0.5
EIB VN	27,500	5.4	1,976,100	0.5
VIB VN	54,800	2.8	1,008,500	0.4

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VNM VN	93,700	-2.1	5,027,100	-1.1
VIC VN	131,500	-0.5	1,613,300	-0.5
HPG VN	56,000	-0.5	15,619,100	-0.3
MWG VN	140,000	-1.3	994,100	-0.2
VJC VN	126,000	-0.9	517,100	-0.2
ACB VN	33,800	-0.6	5,675,200	-0.1
ABS VN	69,800	-6.9	300,100	-0.1
PDR VN	71,500	-1.0	3,672,400	-0.1
VIX VN	33,950	-3.1	10,243,700	0.0
SSB VN	26,800	-0.4	846,500	0.0

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.